

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Công ty TNHH Baosteel Can Making (Việt Nam), Khu công nghiệp VSIP II-A, phường Vĩnh Tân, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/06/2014;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;*

*Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch khu chức năng đặc thù;*

*Căn cứ Thông tư số 22/2019/QĐ-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2016/TT-BXD ngày 01/02/2017 của Bộ Xây dựng về ban hành QCVN 07: 2016/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật;*

*Xét đề nghị của Giám đốc sở Xây dựng tại Tờ trình số 907/TTr-SXD ngày 23/3/2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Công ty TNHH Baosteel Can Making (Việt Nam), Khu công nghiệp VSIP II-A, phường Vĩnh Tân, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, với các nội dung chính như sau:

**1. Vị trí, giới hạn và quy mô:**

- Khu vực quy hoạch thuộc lô đất số 02 VSIP II-A, đường số 15, Khu công nghiệp Việt Nam Singapore II-A, phường Vĩnh Tân, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Có tứ cận như sau:

+ Phía Bắc: giáp đường số 16 –Khu công nghiệp VSIP II-A.

+ Phía Nam: giáp đường số 15 –Khu công nghiệp VSIP II-A.

+ Phía Đông: giáp đường Dân Chủ–Khu công nghiệp VSIP II-A.

+ Phía Tây: giáp lô đất số 65 và lô đất số 58-Khu công nghiệp VSIP II-A.

- Tổng diện tích khu đất: 65.000 m<sup>2</sup> (6,5 ha).

**2. Tính chất:**

Dự án Công ty TNHH Baosteel Can Making (Việt Nam) là dự án nhà máy:

- Là khu nhà máy hoạt động sản xuất nắp lon bằng nhôm, sản xuất lon hai mảnh bằng nhôm, sản xuất nắp lon bằng nhôm cao cấp;

- Quy mô hoạt động sản xuất: sản xuất nắp lon bằng nhôm: 600.000.000 cái/năm, sản xuất lon hai mảnh bằng nhôm: 600.000.000 cái /năm, sản xuất nắp lon bằng nhôm cao cấp: 1.000.000.000 cái/năm.

### 3. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chính của đồ án:

#### a) Các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc:

- Tổng diện tích khu đất : 65.000 m<sup>2</sup> (6,5 ha);
- Mật độ xây dựng thuần toàn khu : ≤ 51,33%;
- Tỷ lệ đất cây xanh : ≥ 24,01%.
- Tầng cao xây dựng tối đa : ≤ 04 tầng.
- Chiều cao xây dựng tối đa : ≤ 16,5m.
- Hệ số sử dụng đất toàn khu khoảng : ≤ 1,0 lần.

#### b) Các chỉ tiêu quy hoạch hạ tầng kỹ thuật:

- Chỉ tiêu cấp nước: theo nhu cầu công nghệ sản xuất, dự kiến cấp nước công trình sản xuất, công cộng, phụ trợ: 2 l/m<sup>2</sup> sàn; cấp nước cho người lao động: 100 lít/người/ngày; cấp nước tưới cây: 3lít/m<sup>2</sup>; cấp nước rửa đường: 0,5 lít/m<sup>2</sup>; cấp nước chữa cháy 15 lít/s.

- Chỉ tiêu thoát nước thải: ≥ 80 % lượng nước cấp và 100% xử lý.

- Chỉ tiêu cấp điện cho sản xuất, kỹ thuật 150W/m<sup>2</sup> sàn; các công trình hành chính, dịch vụ: 20-30 W/m<sup>2</sup> sàn.

- Chỉ tiêu chất thải rắn công nghiệp: 0,15 tấn/ngày/ha.

- Chỉ tiêu rác thải sinh hoạt: 1kg/người/ngày.

### 4. Quy hoạch sử dụng đất:

**Bảng cơ cấu sử dụng đất**

STT	Loại đất	Diện tích(m <sup>2</sup> )	Tầng cao	Diện tích sàn tối đa(m <sup>2</sup> )	Chiều cao(m)	Tỷ lệ (%)
I	Đất xây dựng công trình	33.186,5		35.973,5	≤ 16,5	51,06%
1	Công trình hiện hữu	27.292,50	≤ 2	30.079,5	≤ 13,0	
2	Công trình xây mới	5.894,00	≤ 1	5.894,0	≤ 16,5	
II	Đất cây xanh	15.610,70				24,01%
III	Đất giao thông- hạ tầng	16.202,80				24,93%
1	Đất hạ tầng kỹ thuật (Trạm khí hóa lỏng, Trạm xử lý nước thải, trạm làm mát, Bể PCCC...)	1.464,76	≤ 1			
2	Bể ngầm PCCC xây mới	73,44				
3	Đất sân bãi	3.376,92				
4	Đất giao thông	11.287,68				
<b>TỔNG</b>		<b>65.000,00</b>				<b>100,00</b>

## 5. Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan:

- Nhà máy được quy hoạch với các khu chức năng chính là:
  - + Đất xây dựng công trình (nhà xưởng, nhà kho, nhà văn phòng, công trình phụ trợ, ...).
  - + Đất cây xanh.
  - + Đất giao thông.
- Cấu trúc không gian của khu vực quy hoạch được hình thành chủ yếu dựa vào hệ thống giao thông gồm các tuyến đường khu vực, đường nội bộ, đường chuyên dùng.
- Các tuyến đường khu vực và đường nội bộ: Xây dựng đầu nối với tuyến đường trục chính đến các công trình chức năng theo đặc điểm khu đất và yêu cầu về công năng.
- Khu vực nhà xưởng sản xuất được bố trí trung tâm khu đất và phía Bắc khu đất gồm 1 nhà xưởng và 1 nhà kho thành phẩm.
- Công trình nhà văn phòng, nhà nghỉ ca của chuyên viên và nhà ăn bố trí ở phía Nam khu đất tách biệt với khu sản xuất ở phía Bắc bằng hành lang cây xanh và có cổng kiểm soát.
- Các công trình phụ như nhà chứa phế liệu, nhà biến áp, nhà phát điện, nhà chuẩn bị sản xuất, nhà rác công nghiệp, phòng tái chế nhôm thải, bố trí phía Đông và phía Nam tiếp giáp khu xưởng sản xuất. Công trình nhà bảo vệ và nhà xe bố trí ở công ra vào phía Bắc và phía Nam khu đất, trên trục đường số 15 và đường số 16.
- Các công trình hạ tầng kỹ thuật như trạm khí dầu mỏ hóa lỏng, trạm xử lý nước thải, trạm làm mát nước, bể phòng cháy chữa cháy, ... bố trí khu vực phía Nam khu đất, phục vụ cho quá trình hoạt động của khối nhà xưởng.

## 6. Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật:

### 6.1. Quy hoạch san nền:

- Toàn bộ khu vực nhà máy đã được san lấp hoàn chỉnh đảm bảo kết nối đồng bộ với cao độ của Khu công nghiệp.

- Cao độ xây dựng tối thiểu  $H_{xd \min} = 28,00m$ .

### 6.2. Quy hoạch hệ thống giao thông:

#### a) Giao thông đối ngoại:

Các trục đường đối ngoại bao gồm Đường Dân Chủ (38,5m), Đường số 15 (26,5m), Đường số 16 (26,5m) thuộc Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore II-A. Trong đó Đường số 15 kết nối với Đường số 2 (7m) là đường trục chính khu vực hành chính văn phòng về phía Nam và Đường số 16 kết nối với Đường số 4 (9m) là đường trục chính khu vực xưởng sản xuất về phía Bắc. Đối với các tuyến đường phục vụ cho xe container và xe tải ra vào xuất nhập hàng, bán kính bó vỉa  $R \geq 13m$ .

#### b) Giao thông đối nội:

- Mạng lưới giao thông trong khu quy hoạch là mạng lưới giao thông nội bộ. Mạng lưới đường nội bộ, sân bãi được thiết kế đảm bảo đáp ứng lưu lượng giao thông, xuất nhập hàng hóa, cũng như tiếp cận đến các nhà xưởng và công trình phụ trợ, tách riêng đường xuất nhập hàng hóa và đường xe nhân viên.

- Đường Số 1 (7m), Đường số 2 (7m), Đường số 3 (10m) và Đường số 4 (6m),

Đường số 5 (4m) là các trục đường tiếp cận đến các nhà xưởng và các công trình phụ trợ. Phương tiện tiếp cận là các loại xe nâng hàng, xe phòng cháy chữa cháy và là đường đi bộ cho công nhân. Bán kính bó vỉa R=8m.

- Đối với đường giao thông nội bộ không quy định về khoảng lùi công trình, không tổ chức vỉa hè, các hệ thống hạ tầng kỹ thuật đi dưới lòng đường hoặc trong phần đất cây xanh thâm cỏ, phần đi ngầm dưới lòng được thiết kế chịu lực phù hợp theo quy định.

Bảng thống kê đường giao thông đối ngoại tiếp cận dự án

STT	Tên đường	Mặt cắt	Quy mô mặt cắt ngang (m)				Lộ giới (m)	Khoảng lùi trái(m) (Tính từ ranh đất)		Khoảng lùi phải(m) (Tính từ ranh đất)	
			Via hè trái	Lòng đường trái	Lòng đường phải	Via hè phải		Đối với công trình phụ	Đối với công trình chính	Đối với công trình phụ	Đối với công trình chính
1	Đường Dân Chủ (Đoạn từ Đường Số 10 đến Đường Số 21)	3.3-3.3	7	12,25	12,25	7	38,5	2	5,5	0	0
3	Đường Số 15	7.1-7.1	7,5	5,75	5,75	7,5	26,5	3	10	3	3
4	Đường Số 16	7.2-7.2	7,5	5,75	5,75	7,5	26,5	3	10	3	10

Theo Quyết định 3536/QĐ-UBND ngày 29/11/2019 của UBND tỉnh Bình Dương về việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết (quy hoạch phân khu) tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Việt Nam –Singapore II.

Bảng thống kê đường giao thông nội bộ

STT	Tên đường	Kí hiệu	Lộ giới	Khoảng lùi	
		Mặt cắt	(m)	(m)	
				Bên trái	Bên phải
1	Đường số 1	2-2	7	0	0
2	Đường số 2	2-2	7	0	0
3	Đường số 3	1-1	10	0	0
4	Đường số 4	3-3	6	0	0
		3'-3'	9	0	0
5	Đường số 5	4-4	4	0	0

### 6.3. Quy hoạch hệ thống thoát nước mưa:

- Nguồn tiếp nhận: mạng lưới thoát nước của khu vực là thoát nước riêng. Nước mưa sau khi thu gom vào hệ thống cống tròn D500, D600, D800, D1.000. Nước mưa được chia làm 2 lưu vực. Lưu vực 1 là khu văn phòng phía Nam được thoát vào tuyến cống nước mưa hiện hữu D1.000mm của Khu công nghiệp trên

tuyến đường Số 15. Lưu vực 2 khu vực nhà xưởng phía Bắc được thoát vào tuyến cống nước mưa hiện hữu D1200mm của Khu công nghiệp trên tuyến đường Số 16.

- Thiết kế hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn, nước mưa và nước thải chảy trong hai hệ thống cống riêng.

- Toàn bộ hệ thống thoát nước bám theo hướng dốc thoát nước của nền thiết kế.

- Bố trí hệ thống hệ thống cống D500 mm, D600 mm, D800 mm, D1.000 mm thu nước dọc theo các trục đường giao thông trong khu quy hoạch.

- Tại các vị trí băng đường và lối vào kho bố trí cống ngầm chịu lực H30 để đảm bảo thoát nước an toàn.

- Độ sâu chôn cống tối thiểu  $H=0,7$  m;

- Độ dốc cống tối thiểu  $i = 1/D$ , D- đường kính cống thiết kế (mm);

#### 6.4. Quy hoạch hệ thống thoát cấp nước:

- Tổng nhu cầu cấp nước khu quy hoạch:  $410\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ .

- Nguồn nước: Hệ thống cấp nước của khu quy hoạch được cấp nước từ đường ống cấp nước hiện hữu D150mm thuộc Khu công nghiệp trên đường Số 15 ở phía Nam và đường số 16 ở phía Bắc.

- Do mạng lưới cấp nước sinh hoạt và cấp nước cho chữa cháy đã được xây dựng tương đối hoàn chỉnh dọc theo các nhà xưởng hiện hữu. Và mạng lưới cấp nước cũng đã được đầu nối vào mạng lưới cấp nước chung của khu công nghiệp. Nên giai đoạn này chỉ đầu tư xây dựng thêm mạng lưới cấp nước sinh hoạt và chữa cháy ở những công trình xây mới: nhà kho thành phẩm, nhà rác công nghiệp và nhà tái chế nhôm thải.

- Mạng lưới đường ống:

- + Mạng lưới ống bố trí mạng lưới vòng, cấp nước sản xuất và chữa cháy được bố trí mạng lưới tách riêng, đảm bảo an toàn, thuận lợi cho việc cấp nước.

- + Nước từ đường ống cấp nước bên ngoài được cấp vào bể nước chữa cháy bố trí tại vị trí khu vực đường số 1 của nhà máy; nước từ bể chữa cháy sẽ được cấp đến hệ thống xưởng sản xuất thông qua hệ thống bơm tăng áp và mạng lưới đường ống bằng thép mạ để cấp nước sản xuất và chữa cháy cho xưởng khi có sự cố.

- + Những nơi ống cấp nước đi qua đường được đi ngầm và lắp đặt ống lồng bên ngoài (ống kim loại) và đệm cát trên lưng cũng như dưới đáy ống.

- + Tại vị trí nhà xưởng ngoài hệ thống ống chữa cháy bên ngoài xưởng, sẽ bố trí các hệ thống chữa cháy bên trong và sẽ được thiết kế chi tiết khi triển khai xây dựng hệ thống nhà xưởng.

- + Giai đoạn này chủ đầu tư chỉ đầu tư đường ống cấp nước vào bể, hệ thống bể chữa cháy. Đường ống cấp nước chữa cháy cho hệ thống xưởng sẽ được đầu tư theo giai đoạn khi triển khai xây dựng hệ thống xưởng.

- + Ống cấp nước vào bể dùng ống đường kính D150mm.

- + Đường ống cấp nước chữa cháy của nhà xưởng sử dụng ống kim loại kích thước D100mm.

- + Bố trí 11 trụ chữa cháy (8 trụ hiện hữu ở khu vực nhà xưởng và văn phòng hiện hữu và xây dựng mới 03 trụ tại khu vực nhà kho xây mới) trên các tuyến ống

cấp nước mới khoảng cách 2 trụ không quá 120m.

+ Ở những vị trí các nhà xe sẽ được bố trí các bình phòng cháy chữa cháy để phục vụ nhu cầu chữa cháy khi có sự cố xảy ra.

+ Phụ tùng thiết bị dùng phụ tùng gang và thép mạ kẽm.

6.5. Quy hoạch hệ thống thoát nước thải:

- Tổng lưu lượng nước thải trong khu vực thiết kế: 198 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

a) Nguyên tắc thoát nước thải

- Sử dụng hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn (nước mưa được thu gom theo hệ thống riêng).

- Các tuyến cống thu gom nước thải cũng được đặt theo các tuyến đường, nhằm thu gom được toàn bộ lượng nước thải trong khu quy hoạch. Các tuyến thu gom nước thải phải đảm bảo đặt gần công trình nhất, có chiều dài cống ngắn nhất. Một cách tổng quát, tuyến cống thu gom nước thải sẽ được đặt phía bên trong và song song với tuyến cống thu nước mưa.

b) Nguồn xả nước thải

- Nguồn tiếp nhận: Hệ thống thu gom nước thải của nhà máy được thu gom và đầu nối vào hệ thống cống thoát nước thải D300 của Khu công nghiệp trên đường số 15.

c) Giải pháp thoát nước thải:

- Nước thải trong khu vực nghiên cứu sau khi đi qua bể tự hoại xử lý cục bộ tại các công trình được thoát ra hệ thống thoát nước thải riêng biệt ở bên ngoài có kích thước cống: D200 mm.

- Chiều sâu chôn cống điểm đầu tối thiểu là 0,70m; chiều sâu chôn cống tối đa là 4m.

- Hệ thống đường cống thoát nước bao gồm cỡ đường kính D200mm độ dốc tối thiểu 0.50%. Các đoạn đường có độ dốc lớn, độ dốc cống bám sát với độ dốc đường giao thông và địa hình khu vực.

d) Quản lý chất thải rắn và vệ sinh môi trường:

- Giải pháp thu gom: Các thùng đựng rác thải, chất thải rắn sẽ được phân bố đều, đảm bảo bán kính phục vụ. Các thiết bị chứa và vận chuyển rác được thiết kế cho phù hợp với thẩm mỹ chung.

- Rác thải được công ty vệ sinh đô thị thu gom trực tiếp, vận chuyển đến khu xử lý chất thải rắn chung của khu vực.

6.6. Quy hoạch hệ thống cấp điện, chiếu sáng:

- Tổng công suất yêu cầu cấp cho khu quy hoạch: 3.814,0kVA.

- Nguồn cung cấp điện cho nhà máy từ tuyến 22kV hiện hữu trên đường Dân Chủ của khu công nghiệp VSIP II-A.

- Trạm biến áp: Hiện trạng nhà máy đã đầu tư xây dựng trạm biến áp với công suất 2x2.000kVA.

- Lưới 22kV: Tuyến cáp trung thế 22kV ngầm đầu nối từ đường dây 22kV hiện hữu trên đường Số 10 để cấp điện cho trạm biến áp.

- Lưới 0,4kV:

+ Giữ nguyên các tuyến hạ thế hiện hữu đã đầu tư xây dựng khu vực nhà xưởng hiện hữu.

+ Đường dây 3P-1N được thiết kế theo tiêu chuẩn đường dây cáp ngầm (3P + 1N)-0,4kV.

+ Dây dẫn: chọn dây dẫn trung bình có quy cách và chủng loại cáp CXV/DSTA - 0,4kV để đi đến các tủ điện phân phối, hành lang phải đảm bảo cho tuyến đường dây.

+ Cáp ngầm hạ thế được luồn trong ống nhựa và chôn trong đất dưới lòng đường.

- Lưới chiếu sáng:

+ Hệ thống chiếu sáng của khu nhà xưởng sử dụng các tấm pin năng lượng mặt trời để cấp điện cho trụ đèn chiếu sáng.

+ Đèn đường là loại đèn Led ánh sáng trắng, công suất 100W để tiết kiệm điện năng tiêu thụ, được đặt trên trụ STK cao cách mặt đường 7 đến 10 mét, cách khoảng trung bình 30 – 40m dọc theo các tuyến đường.

+ Các tuyến đèn đường được điều khiển đóng mở tự động bằng các rơ le thời gian hay rơ le quang điện.

6.7. Quy hoạch mạng lưới thông tin liên lạc:

- Nguồn cấp thông tin cho khu quy hoạch là tuyến thông tin hiện hữu dọc theo đường số 15 của khu công nghiệp. Từ vị trí đầu nối sẽ xây dựng ngầm hệ thống cáp thông tin chôn trong cống và bể cáp để dẫn về cung cấp cho nhu cầu của nhà máy.

- Hiện nhà máy đã đầu tư các tuyến cống bể đi trên các trục đường chính có dung lượng là 1 ống PVC Ø110x5mm. Xây dựng bổ sung tuyến cáp đi dọc đường số 1 và đường số 2 của nhà máy về khu vực nhà kho xây mới để đảm bảo nhu cầu cung cấp tín hiệu thông tin cho hoạt động của nhà kho.

- Khoảng cách các bể cáp trung bình từ 70m đến 120m.

- Những vị trí lắp đặt cống cáp qua đường thì lắp ống nhựa PVC chịu lực có đường kính 110 độ dày 6,8mm chôn sâu trên 1,0m.

- Các bể cáp sử dụng bể 1 đan kích thước 1.460x1.690mm đổ bê tông, nắp bằng đan bê tông dưới hè.

- Vị trí và khoảng cách bể cáp được bố trí phù hợp với quy hoạch.

6.8. Quy hoạch thu gom chất thải rắn:

- Tỷ lệ thu gom chất thải rắn trong khu quy hoạch đạt 100%.

- Thu gom rác tại các khu vực chức năng và đổ rác vào thùng rác gần nhất. Sau đó được các công nhân vệ sinh thu gom vào các xe vận chuyển rác.

- Vận chuyển rác: dùng xe chuyên dùng để thu gom và vận chuyển rác từ các thùng rác công cộng đến khu xử lý rác thải tập trung của tỉnh. Việc thu gom và vận chuyển rác từ khu vực đến nơi xử lý do đơn vị chuyên trách thực hiện.

7. Giải pháp bảo vệ môi trường:

a) Giải pháp về kỹ thuật:

- Khai thác sử dụng hợp lý có hiệu quả đất đai và nguồn lực tự nhiên.

- Khai thác sử dụng đất đai: phải thực hiện sử dụng đúng mục đích, quy mô và

tiêu chí đã đề ra trong quy hoạch.

- Khai thác các nguồn lực tự nhiên: khai thác nguồn lực tự nhiên thông qua đầu tư, phát triển phải thực hiện đồng bộ, tập trung đúng theo quy hoạch chuyên ngành, tuân thủ chặt chẽ theo quy trình kỹ thuật, công nghệ và các giải pháp bảo vệ môi trường.

b) Giải pháp về quản lý:

- Quản lý các nguồn, các tác nhân gây ô nhiễm phát sinh trong quá trình hoạt động khai thác; sử dụng đất đai; các nguồn tự nhiên; quản lý khai thác nguồn nước mặt, nguồn nước ngầm; quản lý hệ thống thu gom và xử lý nước thải; quản lý các hoạt động sản xuất kinh doanh phát ra tiếng ồn và ô nhiễm không khí.

- Tổ chức bộ máy quản lý: giáo dục và nâng cao nhận thức, tham gia bảo vệ và gìn giữ môi trường trong cộng đồng người lao động.

c) Biện pháp chống ồn và xử lý khí thải:

- Trồng cây xanh, sân vườn để ngăn cản gió bụi và điều hoà nhiệt độ không khí, làm sạch đẹp đô thị.

- Phân luồng, tuyến giao thông phù hợp, lắp đặt hệ thống biển báo an toàn giao thông, giảm tiếng ồn và giảm lượng khí thải.

8. Thành phần hồ sơ đồ án quy hoạch:

- Thuyết minh tổng hợp, bản vẽ A3 thu nhỏ; phụ lục kèm theo thuyết minh (Các giải trình, Giải thích, luận cứ bổ sung cho thuyết minh; Bản vẽ minh họa; Các số liệu tính toán). Phụ lục đính kèm văn bản pháp lý liên quan.

- Thành phần bản vẽ:

- + Sơ đồ vị trí và giới hạn khu đất, tỷ lệ 1/500;
  - + Bản đồ hiện trạng kiến trúc cảnh quan và hạ tầng kỹ thuật, tỷ lệ 1/500;
  - + Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất, tỷ lệ 1/500;
  - + Bản đồ tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan, tỷ lệ 1/500;
  - + Bản vẽ mặt cắt các hạng mục; (kí hiệu: QH-04a);
  - + Bản đồ quy hoạch giao thông, chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng, tỷ lệ 1/500;
  - + Bản đồ quy hoạch san nền, tỷ lệ 1/500;
  - + Bản đồ quy hoạch hệ thống thoát nước mưa, tỷ lệ 1/500;
  - + Bản đồ quy hoạch hệ thống cấp nước, tỷ lệ 1/500;
  - + Bản đồ quy hoạch hệ thống thoát nước thải, tỷ lệ 1/500;
  - + Bản đồ quy hoạch hệ thống cấp điện trung thế, hạ thế, chiếu sáng, tỷ lệ 1/500;
  - + Bản đồ quy hoạch hệ thống chiếu sáng, tỷ lệ 1/500;
  - + Bản đồ quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc, tỷ lệ 1/500;
  - + Bản đồ tổng hợp đường dây, đường ống kỹ thuật, tỷ lệ 1/500;
  - + Bản đồ đánh giá môi trường chiến lược, tỷ lệ 1/500;
- Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch, bản vẽ A3 thu nhỏ kèm theo.
- Đĩa CD lưu trữ.



**Điều 2.** Công ty TNHH Baosteel Can Making (Việt Nam) có trách nhiệm :

- Liên hệ Ủy ban nhân dân thị xã Tân Uyên để thực hiện công bố, công khai đồ án quy hoạch theo quy định hiện hành.

- Triển khai thực hiện dự án, đánh giá tác động môi trường, thỏa thuận phòng cháy chữa cháy và triển khai các bước tiếp theo đúng theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về cung cấp các nội dung, văn bản, số liệu làm ảnh hưởng đến kinh tế, kỹ thuật, mỹ thuật của dự án này.

- Tiếp tục thực hiện các bước tiếp theo đúng trình tự và quy định pháp luật. Kiểm tra, giám sát việc xây dựng theo đúng quy hoạch được duyệt.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông Vận tải; Ban Quản lý Các khu công nghiệp; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Tân Uyên; Công ty TNHH Baosteel Can Making (Việt Nam) và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký././

**Nơi nhận:**

- CT & các PCT.
- Như Điều 3;
- LĐVP, Km, TH;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Lộc Hà**

